

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **129** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **22** tháng **6** năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh
Khoá VIII, Kỳ họp thứ 32

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ quy định Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 4738/BTC-TH ngày 14/4/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 về việc điều chuyển vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp;

UBND tỉnh đã có Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 22/6/2025 trình HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Trên cơ sở nội dung thống nhất tại cuộc họp với Ban Dân tộc – HĐND tỉnh ngày 23/6/2025; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh Khóa VIII, Kỳ họp thứ 32 xem xét, thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

1. Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 1) tại các Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 và số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh và kế hoạch vốn đầu tư phát triển kéo dài sang năm 2025:

Thực hiện các Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 và số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là 155.562 triệu đồng, nguồn vốn kéo dài sang năm 2025 là 58.102,551 triệu đồng.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh chủ đầu tư và kế hoạch vốn từ cấp huyện sang cấp xã tại các Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 và số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh và kế hoạch vốn đầu tư phát triển kéo dài sang năm

2025 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

2. Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

Trên cơ sở các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022, số 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 để phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh là **740.078 triệu đồng**. Kế hoạch vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình là 677.434 triệu đồng, trong đó: năm 2022 đã bố trí 150.630 triệu đồng, năm 2023 đã bố trí 192.739 triệu đồng, năm 2024 là 178.503 triệu đồng, năm 2025 (đợt 1) là 155.562 triệu đồng.

Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2) đã bố trí cho tỉnh Quảng Trị 62.644 triệu đồng để thực hiện chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

Tổng vốn kế hoạch năm 2025 (đợt 2) là 62.644 triệu đồng, trong đó:

+ Dự án 2 (*Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết*): 742 triệu đồng (của Huyện Đakrông).

+ Dự án 4_Tiểu dự án 1 (*Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*): 44.874 triệu đồng (gồm: Huyện Hướng Hóa 18.911 triệu đồng, Huyện Đakrông 23.864 triệu đồng, Huyện Cam Lộ 1.057 triệu đồng, Huyện Gio Linh 445 triệu đồng, Huyện Vĩnh Linh 597 triệu đồng).

+ Dự án 10_Tiểu dự án 2 (*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*): 17.028 triệu đồng (gồm: huyện Hướng Hóa 2.545 triệu đồng, huyện Đakrông 2.018 triệu đồng, huyện Vĩnh Linh 509 triệu đồng, huyện Gio Linh 170 triệu đồng và Sở Dân tộc và Tôn giáo 11.786 triệu đồng).

(*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh Khóa VIII, Kỳ họp thứ 32 xem xét, quyết định (Tờ trình này thay thế Tờ trình số số 119/TTr-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)./.*nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS, Ban Dân tộc, Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, DT&TG;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Biểu 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Tờ trình số 129 /TTr-UBND ngày 23 /6/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bổ trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bổ năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bổ trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bổ trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bổ năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
I	2		3			6	7	
	TỔNG CỘNG		155.562,000	62.644,000	218.206,000	218.206,000	62.644,000	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		47.831,500	0,000	47.831,500	47.831,500	0,000	
1		Huyện Hướng Hóa	27.350,500		27.350,500	27.350,500		
*		Cấp xã				27.350,500		
-		Xã Hướng Lập				792,500		
-		Xã Tân Lập				2.167,500		
-		Xã Hướng Phùng				2.590,000		
-		Xã Khe Sanh				11.440,500		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 8.760 trđ
-		Xã Lao Bảo				520,000		

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
-		Xã Lịa				6.320,000		
-		Xã A Dơi				3.520,000		
2		Huyện Đakrông	13.290,000		13.290,000	40,000		Phòng DT&TG làm CĐT, đã quyết toán không điều chỉnh cho xã
*		Cấp xã				13.250,000		
-		Xã La Lay				2.760,000		
-		Xã Tà Rụt				2.730,000		
-		Xã Đakrông				5.480,000		
-		Xã Ba Lòng				0,000		
-		Xã Hướng Hiệp				2.280,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 80 trđ
3		Huyện Gio Linh	4.634,000		4.634,000	0,000		
*		Cấp xã				4.634,000		
-		Xã Cồn Tiên				4.634,000		
4		Huyện Vĩnh Linh	2.557,000		2.557,000	0,000		
*		Cấp xã				2.557,000		
-		Xã Bến Quan				743,000		

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
*		Xã Vĩnh Linh				1.814,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 1.814 trđ
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết							
1		Huyện Hướng Hóa	20.908,000	742,000	21.650,000	21.650,000	742,000	
*		Xã Khe Sanh	13.197,000		13.197,000	0,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 13.197 trđ
2		Huyện Đakrông	7.119,000	742,000	7.861,000			Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 7.861 trđ
*		Xã Hướng Hiệp				7.861,000	742,000	
3		Huyện Vĩnh Linh	592,000		592,000			Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 592 trđ
*		Xã Vĩnh Linh				592,000		

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc		51.427,500	44.874,000	96.301,500	96.301,500	44.874,000	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		51.427,500	44.874,000	96.301,500	96.301,500	44.874,000	
1.1		Huyện Hướng Hóa	28.039,500	18.911,000	46.950,500			
*		Cấp xã				46.950,500	18.911,000	
-		Xã A Dơi				6.092,000	1.182,000	
-		Xã Hướng Lập				4.351,524	550,000	
-		Xã Hướng Phùng				4.893,025	1.680,025	
-		Xã Tân Lập				2.871,000	564,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
-		Xã Khe Sanh				18.959,951	10.756,975	Trong đó: phân bố đợt 2 cho Ban QLDA, PTQĐ và CCN 6.471,056 trđ, sau bổ sung là 12.400,428 trđ
-		Xã Lao Bảo				256,000		
-		Xã Lìa				9.527,000	4.178,000	
1.2		Huyện Đakrông	20.038,000	23.864,000	43.902,000			
*		Cấp xã				43.902,000	23.864,000	
-		Xã La Lay				2.100,000		
-		Xã Tà Rụt				1.830,000		
-		Xã Đakrông				2.966,863	613,200	
-		Xã Hướng Hiệp						Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 592 trđ
1.3		Huyện Gio Linh	521,000	445,000	966,000	37.005,137	23.250,800	
*		Cấp xã						
-		Xã Côn Tiên				966,000	445,000	
1.4		Huyện Vĩnh Linh	2.829,000	597,000	3.426,000		445,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
*		Cấp xã				3.426,000	597,000	
-		Xã Bến Quan				3.426,000	597,000	
1.5		Huyện Cam Lộ		1.057,000	1.057,000			
*		Cấp xã				1.057,000	1.057,000	
-		UBND Hiếu Giang				1.057,000	1.057,000	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		35.395,000	0,000	35.395,000	35.395,000	0,000	
1		Huyện Hướng Hóa	17.997,000		17.997,000			
*		Cấp Xã				17.997,000		
-		Xã A Dơi				39,919		
-		Xã Hướng Lập				1.900,000		
-		Xã Hướng Phùng				6.150,000		
-		Xã Tân Lập				1.400,000		
-		Xã Khe Sanh				5.604,181		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.754,181 trđ
-		Xã Lìa				2.902,900		
2		Huyện Đakrông	17.398,000		17.398,000	0,000		

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
*		Cấp xã				17.398,000		
-		Xã La Lay				2.079,493		
-		Xã Tà Rụt				1.795,560		
-		Xã Đakrông				5.111,873		
-		Xã Ba Lòng				135,282		
-		Xã Hướng Hiệp				8.275,792		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 6.208 trở
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình		-	17.028,000	17.028,000	17.028,000	17.028,000	
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		-	17.028,000	17.028,000	17.028,000	17.028,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 Tổng số Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Ghi chú
1.1		Huyện Hướng Hóa		2.545,00	2.545,000	0,000	
*		Cấp xã				2.545,000	2.545,000
-		Xã Hướng Phùng				636,250	636,250
-		Xã Hướng Lập				636,250	636,250
-		Xã Lìa				636,250	636,250
-		Xã A Dơi				636,250	636,250
1.2		Huyện Đakrông		2.018,00	2.018,000	0,000	
*		Cấp xã				2.018,000	2.018,000
-		Xã Ba Lòng				403,000	403,000
-		Xã Hướng Hiệp				403,000	403,000
-		Xã Đakrông				403,000	403,000
-		Xã Tà Rụt				403,000	403,000
-		Xã La Lay				406,000	406,000
-		Huyện Gio Linh		170,00	170,000	0,000	
*		Cấp xã				170,000	170,000
-		Xã Cồn Tiên				170,000	170,000
1.4		Huyện Vĩnh Linh		509,00	509,000	0,000	
*		Cấp xã				509,000	509,000
-		Xã Bến Quan				509,000	509,000
1.5		Sở Dân tộc và Tôn giáo		11.786,000	11.786,000	11.786,000	11.786,000

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bổ trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bổ năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bổ trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bổ trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bổ năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
-	Dự án Chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong triển khai thực hiện CTMTQG DTTS&MN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025			11.786,00	11.786,000	11.786,000	11.786,000	

Biểu 02

ĐIỀU CHỈNH CHỦ ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW KÉO DÀI SANG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Tờ trình số 129 /TTT-UBND ngày 23 /6/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1	2	3			6	7
	TỔNG CỘNG			58.102,551	58.102,551	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			23.006,040	23.006,040	
1		Huyện Hướng Hóa		15.644,392	0,000	
*			Cấp xã		15.644,392	
-			Xã A Dơi		1.720,000	
-			Xã Hướng Lập		1.127,500	
-			Xã Hướng Phùng		890,000	
-			Xã Tân Lập		952,500	
-			Xã Khe Sanh		6.674,983	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 4.650,983 trđ
-			Xã Lao Bảo		280,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
-			Xã Lìa		3.999,409	
2		Huyện Đakrông		7.087,463	480,000	Phòng DT&TG làm CĐT, đã quyết toán
*			Cấp xã		6.607,463	
-			Xã La Lay		612,000	
-			Xã Tà Rụt		2.103,463	
-			Xã Đakrông		1.032,000	
-			Xã Hướng Hiệp		2.700,000	
-			Xã Ba Lòng		160,000	
3		Huyện Gio Linh		20,000	0,000	
*			Cấp xã		20,000	
-			Xã Cồn Tiên		20,000	
4		Huyện Vĩnh Linh		254,185	0,000	
*			Cấp xã		254,185	
-			Xã Vĩnh Linh		254,185	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 254,185 trđ
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết			13.888,330	13.888,330	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1		Huyện Hướng Hóa		11.097,656	0,000	
*			Cấp xã		11.097,656	
-			Xã Khe Sanh		11.097,656	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 11.097,656 trđ
2		Huyện Đakrông		2.790,674	0,000	
*			Cấp xã		2.790,674	
-			Xã Hướng Hiệp		2.790,674	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 11.097,656 trđ
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc			10.339,015	10.339,015	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			10.339,015	10.339,015	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1.1		Huyện Hướng Hóa		8.025,343	0,000	
*			Cấp xã		8.025,343	
-			Xã A Dơi		2.351,194	
-			Xã Hướng Lập		2.660,402	
-			Xã Hướng Phùng		1.216,636	
-			Xã Tân Lập		169,697	
-			Xã Khe Sanh		1.011,926	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 225,631 trở
-			Xã Lao Bảo		9,023	
-			Xã Lìa		606,465	
2		Huyện Đakrông		1.597,556	0,000	
*			Cấp xã		1.597,556	
-			Xã La Lay		154,590	
-			Xã Tà Rụt		134,040	
-			Xã Đakrông		487,950	
-			Xã Hướng Hiệp		820,977	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 221,542 trở
3		Huyện Vĩnh Linh		260,040	0,000	
*			Cấp xã		260,040	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
-			Xã Bến Quan			
4		Huyện Gio Linh		456,075	0,000	
*			Cấp xã		456,075	
-			Xã Cồn Tiên		456,075	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			6.290,911	6.290,911	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.			6.290,911	6.290,911	
1.1		Huyện Hướng Hóa		3.789,176	0,000	
			Cấp xã		3.789,176	
*			Xã Khe Sanh		3.789,176	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 3.789,176 trở
1.2		Huyện Đakrông		2.159,705	0,000	
			Cấp xã		2.159,705	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
*			Xã Hướng Hiệp		2.159,705	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.159,705 trđ
1.3		Huyện Vĩnh Linh		342,030	0,000	
			Cấp xã		342,030	
*			Xã Vĩnh Linh		342,030	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 342,030 trđ
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			4.158,255	4.158,255	
1		Huyện Hướng Hóa		2.324,186	0,000	
*			Cấp Xã		2.324,186	
-			Xã A Dơi		1.105,583	
-			Xã Hướng Lập		31,348	
-			Xã Hướng Phùng		37,152	
-			Xã Tân Lập		0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
-			Xã Khe Sanh		1.029,911	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 50,59 trđ
-			Xã Lao Bảo		23,052	
-			Xã Lìa		97,140	
2		Huyện Đakrông		1.832,164	0,000	
*			Cấp xã		1.832,164	
-			Xã La Lay		45,598	
-			Xã Tà Rụt		41,584	
-			Xã Đakrông		23,829	
-			Xã Ba Lòng		9,504	
-			Xã Hướng Hiệp		1.711,649	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 1,664,14 trđ
3		Huyện Gio Linh		1,906	0,000	
*			Cấp xã		1,906	
-			Xã Cồn Tiên		1,906	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình			420,000	420,000	
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			420,000	420,000	
-		Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	420,000	420,000	